## Diễn biến thị trường ngày 22.03.2017

Diễn biến khá giống nhau trên cả 2 sàn giao dịch chính khi chỉ số bật tăng mạnh ngay từ đầu phiên, trước khi lực bán áp đảo trong phiên buổi chiều kéo cả 2 chỉ số giảm điểm. Chốt phiên, VN-Index giảm 0.45%, trong khi HNX-Index giảm 0.40%. Thanh khoản toàn thị trường bật tăng lên đến gần 346 triệu cổ phiếu, trên 6,000 tỷ đồng về giá trị. Độ rộng thị trường tiêu cực với số lượng mã giảm gấp đối số mã tăng trên cả 2 sàn giao dịch.

VNM, VIC, MSN hôm nay tăng điểm khá tốt và đóng vài trò bệ đỡ cho thị trường. Tuy nhiên, ở phía ngược lại, diễn biến tiêu cực tại GAS, SAB, VCB kéo chỉ số giảm sâu. FLC tiếp tục có một phiên giao dịch với thanh khoản khổng lồ, trên 54 triệu cổ phiếu được khớp qua sàn. Trong khi đó, bộ đôi HAG – HNG tiếp tục nhận được sự chú ý của dòng tiền khi bộ đôi này tăng tốt, lần lượt 3.9% tại HAG và 5.3% tại HNG. Có thời điểm cả 2 cùng tăng trần, tuy vậy áp lực bán vào buổi chiều trước khi chốt phiên đã kéo giá 2 cổ phiếu này xuống thấp hơn một chút so với giá trần. Cổ phiếu HHC với thông tin thoái vốn của Vinataba đã tăng trần liên tiếp 3 phiên, trong phiên hôm nay, trên 8 triệu cổ phiếu đã được khớp tại giá trần.

| Cập nhật thị trường | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| Chỉ số | 712.94 | 89.77 |
| % thay đổi | -0.45% | -0.40% |
| Tổng KLGD (triệu CP) | 269.00 | 65.36 |
| Tổng GTGD (Tỷ VND) | 4,630.84 | 1,049.61 |
| KL Dư mua (triệu CP) | 191.99 | 96.49 |
| KL Dư bán (triệu CP) | 176.04 | 106.38 |

| Giao dịch nước ngoài | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| KL NĐTNN mua (triệu CP) | 6.41 | 2.12 |
| KL bán (triệu CP) | 9.73 | 0.60 |
| GT mua (tỷ đồng) | 270.70 | 27.31 |
| GT bán (tỷ đồng) | 252.12 | 10.16 |
| KL mua/bán ròng (triệu CP) | (3.32) | 1.52 |
| GT mua/bán ròng (tỷ đồng) | 18.58 | 17.15 |

| Chỉ số thị trường | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| P/B | 4.29 | 1.54 |
| P/E | 17.53 | 10.28 |
| Beta | 0.88 | 0.80 |
| ROE | 18.5% | 14.8% |
| ROA | 10.1% | 6.4% |

Nhóm cổ phiếu dầu khí sụt giảm mạnh cùng với diễn biến tiêu cực của giá dầu thế giới sau khi giá dầu rơi khỏi ngưỡng hỗ trợ tâm lý 48 đô/thùng. Nhóm ngành BĐS diễn biến trái chiều, với VIC và PDR tăng tốt, trong khi các mã còn lại giảm mạnh. Có thể kể đến như NVL (-1.6%), DXG (-4.7%), SCR (-1.7%), LDG (-5.4%) …

Nhóm cổ phiếu ngân hàng phân hoá với STB (+0.5%) và EIB (+3.4%) tăng điểm, ACB, MBB, SHB đứng giá, còn VCB, CTG giảm giá.

Trái ngược với động thái bán mạnh của các nhà đầu tư nội, khối ngoại tiếp tục mua ròng nhẹ trên cả 2 sàn. Khối này tập trung mua ròng tại VNM, VJC trên HSX, và SHS, VGC trên HNX. Ở chiều ngược lại, SSI, ROS, VCB, DXG, GTN, VIC là những mã bị bán ròng nhiều nhất trên HSX, và 2 cổ phiếu dầu khí PVS và PGS bị bán ròng mạnh nhất trên HNX.

## Phân tích kỹ thuật

**VN-INDEX:** VN-Index tiếp tục kiểm định thất bại mức kháng cự 720 đi kèm với thanh khoản đột biến trong phiên hôm nay là tín hiệu xấu cho chỉ số trong ngắn hạn. Nến Hammer hình thành cho thấy tâm lý thị trường đã xấu đi. Chỉ báo xung lượng thị trường RSI vẫn chưa được cải thiện, trong khi MACD vẫn chưa cho thấy xu hướng hội tu giữa đường tín hiệu và đường MACD.

**HNX-INDEX:** Một phiên giảm điểm của HNX-Index kèm theo khối lượng giao dịch lớn. Các chỉ báo xung lượng thị trường RSI và MACD vẫn tiếp tục duy trì khả quan. Tuy vậy, chỉ số đã tăng khá tốt kể từ đầu năm, và mặc dù dấu hiệu phân phối đỉnh vẫn chưa rõ ràng, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên thận trọng, ngưng giải ngân và bắt đầu chốt lời.

## Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index

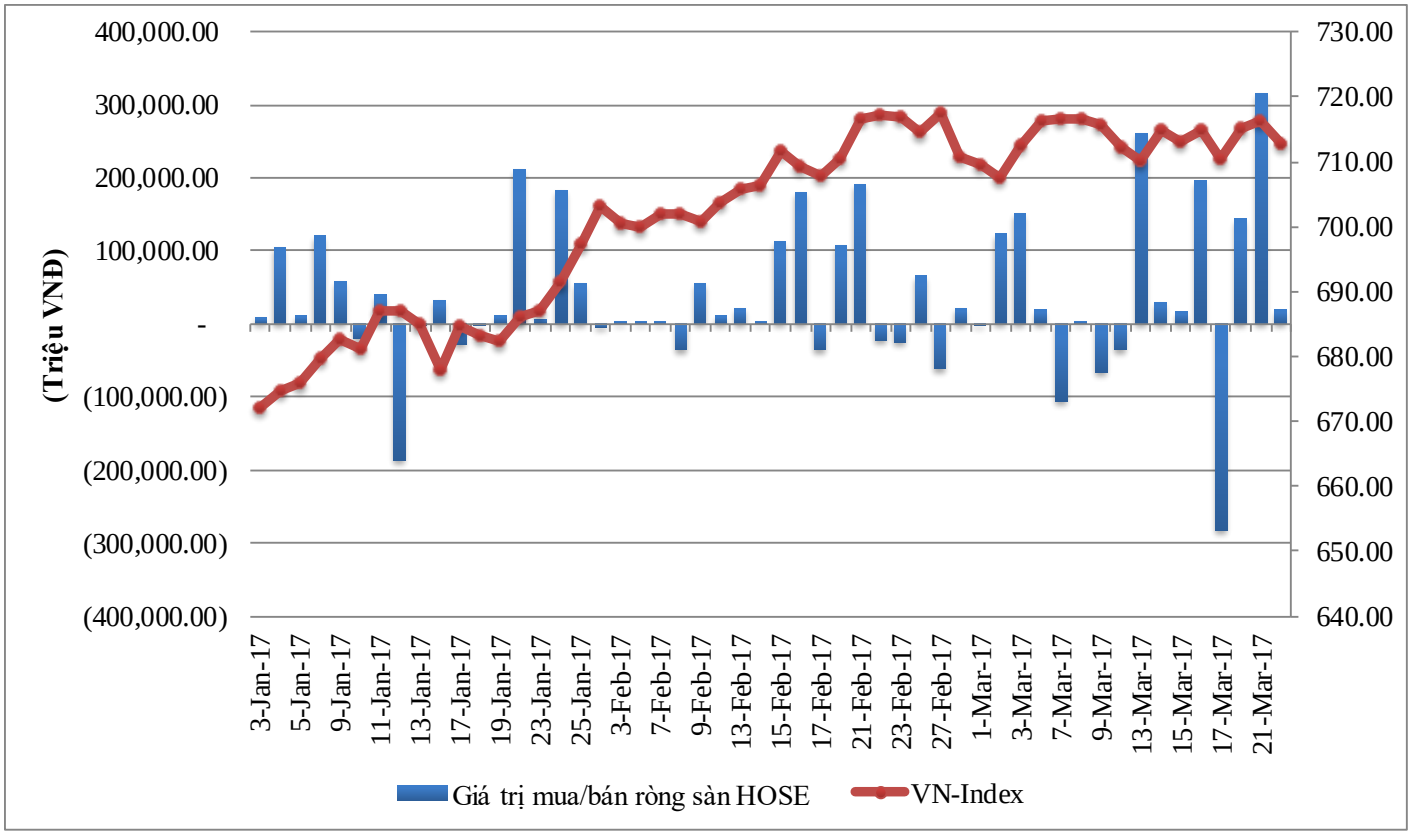


## Điểm tin doanh nghiệp

- **Tổng công ty hàng không Việt Nam – CTCP (HOSE: HVN)** vừa công bố BCTC hợp nhất năm 2016. Theo đó, quý 4/2016, Vietnam Airlines lỗ sau thuế 444 tỷ đồng, phần lỗ ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ là 345 tỷ đồng. Cả năm 2016, Vietnam Airlines đạt doanh thu thuần là 70,089 tỷ đồng và LNST là 2,103 tỷ đồng, đây là con số mà Vietnam Airlines đạt được cao nhất từ trước đến nay và tăng trưởng rất mạnh so với năm trước. *(Theo Cafef)*
- **CTCP Đầu tư và Phát triển Sacom (HOSE: SAM**) công bố BCTC công ty mẹ năm 2016 đã được kiểm toán với mức LNST đạt 32.13 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với con số lãi ròng 10.65 tỷ đồng được công ty công bố tại báo cáo trước kiểm toán. Nguyên nhân chênh lệch là do công ty điều chỉnh tăng mạnh khoản doanh thu từ hoạt động tài chính từ 91.26 tỷ đồng lên 112.74 tỷ đồng, do bổ sung cổ tức từ công ty con – CTCP Dây và Cáp Sacom. Ngày 27/3 tới đây, SAM sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017. Thời gian tổ chức dự kiến ngày 24/4. *(Theo Cafef)*
- **CTCP Bánh kẹo Hải Hà (HNX: HHC)** vừa công bố thông tin về việc hủy danh sách cổ đông chốt ngày 20/02/2017 để thực hiện tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017. Theo dự kiến ban đầu, Haihaco sẽ tổ chức họp ĐHCĐ thường niên vào 25/3 tới đây. Lý do hủy được công ty đưa ra là do việc chuẩn bị hồ sơ đại hội chưa hoàn thiện xong theo quy định. *(Theo Cafef)*

- **CTCP Thép Việt Ý (HOSE: VIS)** vừa tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017 và thông qua phương án chào bán hơn 24,61 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. VIS sẽ phát hành theo hình thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, giá phát hành dự kiến 15.000 đồng/CP. Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng để đầu tư cho dự án đầu tư mở rộng Nhà máy thép Việt Ý. Kế hoạch kinh doanh năm 2017 được đặt ra với chỉ tiêu giá trị sản xuất 6,835 tỷ đồng, doanh thu 6,213 tỷ đồng, LNTT 152.3 tỷ đồng. *(Theo Đầu tư chứng khoán)*
- **CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HOSE: HSG)** vừa thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. HSG dự kiến sẽ phát hành 3.46 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ phát hành 1.76% (số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 196.54 triệu cổ phiếu), với giá dự kiến 10,000 đồng/CP. *(Theo Đầu tư chứng khoán)*

# Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

## HOSE

### Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX

| STT | Mã CK | Giá (VND) | % (+/-) | KLGD | Giá trị (triệu VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ROS | 154,000 | 0.85% | 3,871,610 | 593,813 |
| 2 | FLC | 8,240 | 0.00% | 54,493,180 | 463,209 |
| 3 | VNM | 136,600 | 0.74% | 1,472,340 | 202,624 |
| 4 | NVL | 67,600 | -1.60% | 2,724,220 | 184,489 |
| 5 | BID | 17,400 | 0.00% | 9,321,930 | 162,925 |
| 6 | HAG | 9,680 | 3.86% | 15,171,690 | 148,267 |
| 7 | SSI | 22,550 | -1.96% | 5,104,610 | 117,604 |
| 8 | HPG | 42,400 | -1.05% | 2,598,780 | 111,130 |
| 9 | MSN | 47,500 | 0.85% | 2,341,049 | 109,988 |
| 10 | HBC | 56,000 | 0.00% | 1,632,450 | 91,761 |

### Top tăng giá HSX (KLGD> 200,000)

| STT | Mã CK | Giá (VND) | % (+/-) | KLGD | Giá trị (triệu VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VNE | 9,300 | 6.90% | 208,190 | 1,916 |
| 2 | AGR | 3,790 | 6.76% | 1,797,150 | 6,675 |
| 3 | QCG | 4,600 | 6.73% | 700,040 | 3,213 |
| 4 | DTA | 2,240 | 6.67% | 387,600 | 868 |
| 5 | HNG | 11,000 | 5.26% | 4,955,360 | 54,206 |
| 6 | IDI | 4,550 | 4.84% | 1,520,080 | 6,929 |
| 7 | HAG | 9,680 | 3.86% | 15,171,690 | 148,267 |
| 8 | PDR | 15,000 | 3.45% | 1,564,850 | 23,265 |
| 9 | EIB | 12,200 | 3.39% | 806,770 | 9,621 |
| 10 | FCN | 20,550 | 3.27% | 1,772,900 | 36,567 |

### Top giảm giá sàn HSX (KLGD> 200,000)

| STT | Mã CK | Giá (VND) | % (+/-) | KLGD | Giá trị (triệu VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SVC | 50,300 | -6.85% | 251,280 | 13,089 |
| 2 | LHG | 21,450 | -6.74% | 761,160 | 16,493 |
| 3 | DPR | 40,750 | -6.54% | 202,000 | 8,378 |
| 4 | VPH | 13,200 | -6.38% | 702,100 | 9,573 |
| 5 | PHR | 27,300 | -6.19% | 1,589,050 | 44,477 |
| 6 | DLG | 3,060 | -5.85% | 3,437,770 | 10,999 |
| 7 | TTF | 7,450 | -5.70% | 767,170 | 6,010 |
| 8 | LCG | 8,240 | -5.61% | 4,245,680 | 35,475 |
| 9 | DRH | 25,500 | -5.56% | 489,340 | 12,731 |
| 10 | LDG | 8,800 | -5.38% | 724,370 | 6,558 |

## HNX

### Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX

| STT | Mã CK | Giá (VND) | % (+/-) | KLGD | Giá trị (triệu VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HHC | 52,800 | 10.00% | 8,443,023 | 410,647 |
| 2 | ACB | 25,000 | 0.00% | 6,405,089 | 115,875 |
| 3 | VCG | 16,200 | -2.99% | 4,597,969 | 66,116 |
| 4 | HKB | 6,200 | -3.13% | 4,597,662 | 42,642 |
| 5 | HUT | 14,400 | -2.04% | 3,972,185 | 42,171 |
| 6 | PVS | 17,500 | -1.69% | 3,821,412 | 32,601 |
| 7 | SHB | 5,100 | 0.00% | 2,849,841 | 23,507 |
| 8 | SHS | 8,000 | 2.56% | 2,323,511 | 18,725 |
| 9 | CVT | 53,600 | -0.56% | 2,069,700 | 17,552 |
| 10 | PGS | 17,400 | -0.57% | 1,849,356 | 17,518 |

### Top tăng giá HNX (KLGD>200,000)

| STT | Mã CK | Giá (VND) | % (+/-) | KLGD | Giá trị (triệu VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HHC | 52,800 | 10.00% | 8,443,023 | 410,647 |
| 2 | PVR | 2,600 | 8.33% | 1,363,966 | 3,411 |
| 3 | HHG | 11,000 | 4.76% | 749,632 | 7,942 |
| 4 | PVL | 2,600 | 4.00% | 424,200 | 1,108 |
| 5 | TTZ | 3,100 | 3.33% | 254,200 | 763 |
| 6 | SVN | 3,200 | 3.23% | 2,069,700 | 6,705 |
| 7 | SDA | 3,300 | 3.13% | 295,115 | 974 |
| 8 | NHP | 4,000 | 2.56% | 255,700 | 1,023 |
| 9 | SHS | 8,000 | 2.56% | 2,323,511 | 18,725 |
| 10 | VGC | 15,400 | 1.32% | 585,500 | 9,094 |

### Top giảm giá HNX (KLGD>200,000)

| STT | Mã CK | Giá (VND) | % (+/-) | KLGD | Giá trị (triệu VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CMI | 4,600 | -8.00% | 306,800 | 1,414 |
| 2 | NDF | 2,300 | -8.00% | 233,400 | 592 |
| 3 | PVX | 2,200 | -4.35% | 746,685 | 1,671 |
| 4 | TEG | 9,100 | -4.21% | 413,200 | 3,862 |
| 5 | DCS | 2,300 | -4.17% | 638,000 | 1,524 |
| 6 | KVC | 2,500 | -3.85% | 371,210 | 930 |
| 7 | DPS | 2,600 | -3.70% | 367,184 | 967 |
| 8 | HKB | 6,200 | -3.13% | 6,405,089 | 42,642 |
| 9 | VCG | 16,200 | -2.99% | 3,972,185 | 66,116 |
| 10 | TIG | 4,000 | -2.44% | 623,409 | 2,493 |

## Thống kê giao dịch khối ngoại

**HOSE**

**Top mua ròng về giá trị sàn HOSE**

| STT | Mã CK | KL | Giá trị ('000 đ) | Room còn lại | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VNM | 563,310 | 230,577,636 | 668,585,163 | 53.9% |
| 2 | VJC | 136,770 | 17,110,538 | 15,000,270 | 25.0% |
| 3 | NT2 | 296,740 | 9,303,228 | 79,169,449 | 21.5% |
| 4 | HPG | 206,490 | 8,857,522 | 112,572,042 | 35.6% |
| 5 | PAC | 201,380 | 7,432,595 | 10,800,441 | 25.8% |
| 6 | ADS | 400,000 | 6,725,000 | 8,018,932 | 1.5% |
| 7 | CTD | 28,830 | 5,932,200 | 5,384,228 | 42.0% |
| 8 | NVL | 82,380 | 5,558,381 | 223,139,024 | 11.6% |
| 9 | MSN | 109,180 | 5,252,821 | 204,027,432 | 30.6% |
| 10 | KDC | 68,810 | 2,754,044 | 80,699,370 | 17.6% |

**Top bán ròng về giá trị sàn HOSE**

| STT | Mã CK | KL | Giá trị ('000 đ) | Room còn lại | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SSI | (1,437,990) | (33,339,413) | 215,754,679 | 56.0% |
| 2 | ROS | (185,050) | (28,478,408) | 205,784,220 | 1.1% |
| 3 | VCB | (324,090) | (12,277,172) | 330,830,622 | 20.8% |
| 4 | DXG | (606,080) | (11,216,273) | 50,788,187 | 28.9% |
| 5 | GTN | (585,500) | (9,834,560) | 122,311,057 | 51.1% |
| 6 | VIC | (230,100) | (9,606,122) | 502,421,785 | 10.0% |
| 7 | GAS | (146,660) | (7,810,290) | 886,601,572 | 2.7% |
| 8 | BID | (343,520) | (5,992,118) | 983,836,735 | 1.2% |
| 9 | CII | (92,640) | (3,615,915) | 30,772,677 | 58.8% |
| 10 | PHR | (74,700) | (2,090,145) | 36,929,100 | 3.6% |

**HNX**

**Top mua ròng về giá trị tại HNX**

| STT | Mã CK | KL | Giá trị ('000 đ) | Room còn lại | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SHS | 990,000 | 8,032,580 | 35,765,634 | 13.2% |
| 2 | VGC | 449,000 | 6,971,210 | 65,014,738 | 27.8% |
| 3 | DHT | 15,400 | 1,155,100 | 2,633,913 | 7.1% |
| 4 | VBC | 12,000 | 840,000 | 1,403,394 | 2.2% |
| 5 | VKC | 48,600 | 687,960 | 5,129,107 | 23.4% |
| 6 | VND | 45,300 | 643,850 | 3,537,888 | 46.7% |
| 7 | NBP | 41,000 | 613,420 | 5,414,795 | 6.9% |
| 8 | VCG | 20,900 | 350,960 | 182,632,537 | 7.7% |
| 9 | DGL | 6,000 | 222,000 | 22,221,645 | 1.1% |
| 10 | SHB | 39,796 | 206,330 | 203,760,600 | 16.4% |

**Top bán ròng về giá trị tại HNX**

| STT | Mã CK | KL | Giá trị ('000 đ) | Room còn lại | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | PVS | (111,500) | (7,559,800) | 95,236,131 | 27.7% |
| 2 | PGS | (99,000) | (1,734,600) | 15,463,432 | 18.1% |
| 3 | PHP | (19,700) | (315,230) | 158,974,500 | 0.4% |
| 4 | GMX | (4,800) | (117,420) | 2,419,730 | 3.5% |
| 5 | API | (3,400) | (71,400) | 2,185,200 | 43.0% |
| 6 | HAD | (2,000) | (67,900) | 1,326,200 | 15.9% |
| 7 | SDU | (4,000) | (60,000) | 9,019,900 | 3.9% |
| 8 | BII | (19,000) | (53,200) | 25,966,390 | 4.0% |
| 9 | HAT | (1,400) | (52,080) | 1,309,956 | 7.1% |
| 10 | S55 | (800) | (29,680) | 2,182,684 | 5.3% |

## Thống kê theo nhóm ngành:

| Ngành | Vốn hóa (Tỷ VND) | Tỷ trọng vốn hóa | % thay đổi 1ngày | % thay đổi 1 tháng | P/E | P/B | ROE % | ROA % | Tỷ suất lợi nhuận thuần | Tỷ suất lợi nhuận gộp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Công nghệ Thông ti | 27,673.01 | 1% | -0.61% | 1.19% | 10.95 | 1.98 | 16% | 7% | 6% | 20% |
| Công nghiệp | 397,127.92 | 18% | 0.03% | 1.99% | 18.69 | 4.75 | 15% | 8% | 16% | 22% |
| Dầu khí | 16,861.78 | 1% | -1.63% | -10.88% | 15.50 | 0.67 | 4% | 2% | -8% | -6% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | 135,443.53 | 6% | -0.45% | -5.55% | 18.08 | 5.01 | 36% | 10% | 23% | 7% |
| Dược phẩm và Y tế | 28,925.38 | 1% | -0.90% | 2.60% | 25.51 | 3.20 | 22% | 15% | 12% | 40% |
| Hàng Tiêu dùng | 600,908.42 | 27% | -0.22% | 1.78% | 19.27 | 6.68 | 30% | 20% | 16% | 34% |
| Ngân hàng | 365,792.94 | 17% | -0.27% | 2.88% | 13.98 | 1.77 | 12% | 1% | 23% | 52% |
| Nguyên vật liệu | 131,633.45 | 6% | -0.97% | 0.98% | 8.61 | 1.42 | 20% | 11% | 10% | 20% |
| Tài chính | 334,953.61 | 15% | -0.46% | -1.02% | 25.07 | 2.81 | 9% | 3% | 15% | 27% |
| Tiện ích Cộng đồng | 157,926.28 | 7% | -2.43% | -9.42% | 12.75 | 2.22 | 16% | 10% | 14% | 23% |
| Viễn thông | 13,428.15 | 1% | 0.07% | -2.12% | 14.41 | 4.44 | 31% | 11% | 15% | 47% |

## TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

| STT | Mã CK | Tên Công ty | EPS (VND) | P/E | Số CPLH (Triệu CP) | ROE % | ROA % | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VNM | VINAMILK | 6,464 | 20.73 | 1,451.00 | 43.16% | 32.89% | 194,489.65 |
| 2 | SAB | SABECO | 6,983 | 30.49 | 641.00 | 33.80% | 21.97% | 136,528.76 |
| 3 | VCB | Vietcombank | 1,897 | 19.55 | 3,598.00 | 14.50% | 0.93% | 133,477.21 |
| 4 | VIC | VinGroup | 591 | 74.44 | 2,638.00 | 3.78% | 0.96% | 116,059.15 |
| 5 | GAS | PV Gas | 3,704 | 15.01 | 1,913.00 | 16.90% | 12.46% | 106,382.15 |
| 6 | ROS | Xây dựng FLC FAROS | 1,144 | 150.40 | 430.00 | 11.63% | 7.39% | 74,003.00 |
| 7 | CTG | VIETINBANK | 1,828 | 9.77 | 3,723.00 | 11.48% | 0.79% | 66,462.77 |
| 8 | BID | BIDV | 1,802 | 9.08 | 3,419.00 | 14.74% | 0.66% | 55,896.00 |
| 9 | MSN | Tập đoàn Masan | 2,472 | 17.60 | 1,138.00 | 11.77% | 3.85% | 49,514.40 |
| 10 | NVL | Đầu tư Địa ốc No Va (Nova | 3,238 | 22.42 | 589.00 | 20.63% | 5.28% | 42,788.21 |

## TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

| STT | Mã CK | Tên Công ty | EPS (VND) | P/E | Số CPLH (Triệu CP) | ROE % | ROA % | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ACB | Ngân hàng Á Châu | 1,344 | 17.26 | 986.00 | 9.87% | 0.61% | 22,872.91 |
| 2 | VCS | VCS STONE | 12,009 | 13.14 | 60.00 | 55.28% | 22.09% | 9,468.00 |
| 3 | PVS | DVKT Dầu khí PTSC | 2,210 | 7.96 | 447.00 | 8.38% | 3.80% | 7,861.93 |
| 4 | VCG | VINACONEX | 1,078 | 14.75 | 442.00 | 6.44% | 2.21% | 7,023.20 |
| 5 | SHB | SHB | 921 | 5.43 | 1,119.00 | 7.66% | 0.43% | 5,595.96 |
| 6 | NTP | Nhựa Tiền Phong | 5,346 | 13.82 | 74.00 | 22.38% | 11.90% | 5,495.74 |
| 7 | PVI | Bảo hiểm PVI | 2,424 | 9.94 | 222.00 | 7.96% | 3.36% | 5,361.94 |
| 8 | PHP | Cảng Hải Phòng | 1,411 | 11.34 | 327.00 | 11.35% | 8.44% | 5,231.36 |
| 9 | VGC | Tổng Công ty Viglacera | 1,727 | 8.22 | 307.00 | 12.74% | 3.95% | 4,359.40 |
| 10 | VNR | Tái bảo hiểm Quốc gia | 1,829 | 13.83 | 131.00 | 8.87% | 3.74% | 3,316.22 |

## TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

| STT | Mã CK | Tên Công ty | EPS (VND) | P/E | Số CPLH (Triệu CP) | ROE % | ROA % | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ACV | Cảng Hàng không VN | 1,002 | 51.47 | 2,177.00 | 8.33% | 3.86% | 112,241.99 |
| 2 | HVN | Vietnam Airlines | 2,480 | 12.28 | 1,228.00 | 17.54% | 2.69% | 37,389.45 |
| 3 | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan | 5,165 | 13.27 | 538.00 | 21.66% | 15.32% | 36,874.19 |
| 4 | QNS | Đường Quảng Ngãi | 7,566 | 16.40 | 188.00 | 43.22% | 24.93% | 23,274.31 |
| 5 | FOX | FPT Telecom | 6,697 | 14.63 | 137.00 | 30.82% | 11.12% | 13,430.76 |
| 6 | MSR | Tài Nguyên Masan | 153 | 104.40 | 704.00 | 0.94% | 0.41% | 11,213.80 |
| 7 | VEF | Triển lãm Việt Nam | 267 | 235.94 | 167.00 | 2.58% | 2.56% | 10,481.06 |
| 8 | VIB | VIBBank | 900 | 19.45 | 564.00 | 6.47% | 0.59% | 9,877.71 |
| 9 | DTK | Vinacomin Power | 21 | 656.35 | 680.00 | 0.23% | 0.05% | 9,520.00 |
| 10 | SQC | Khoáng sản SG-Quy Nhơn | -514 | -157.71 | 107.00 | -6.29% | -4.85% | 8,691.22 |

## Tăng/giảm theo ngành

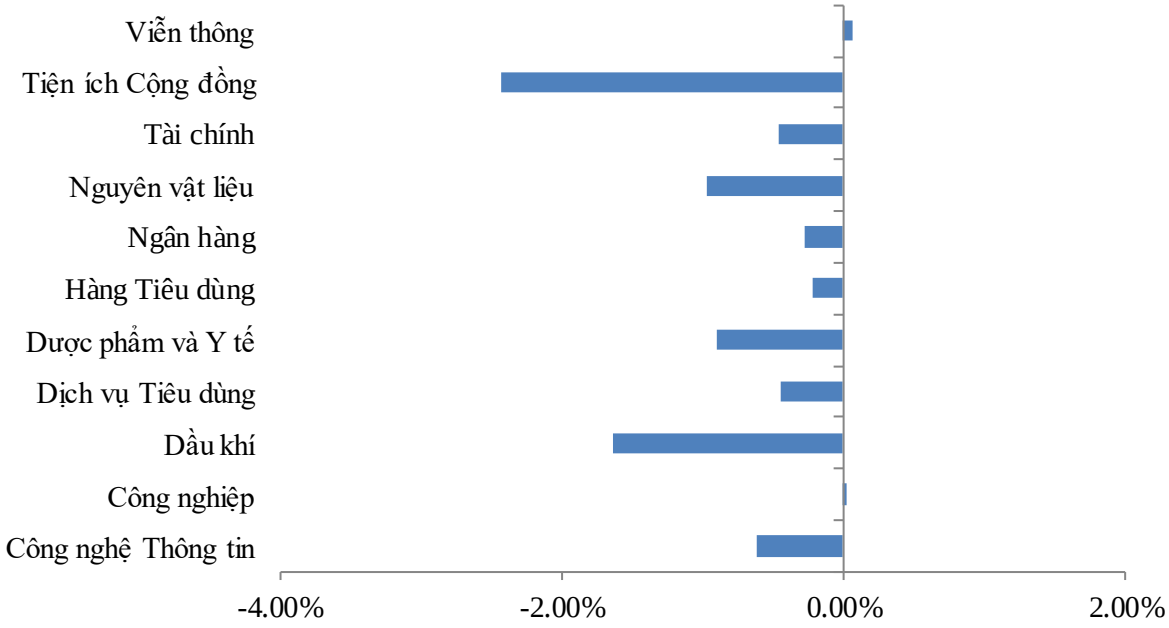


## Tỷ trọng vốn hóa ngành

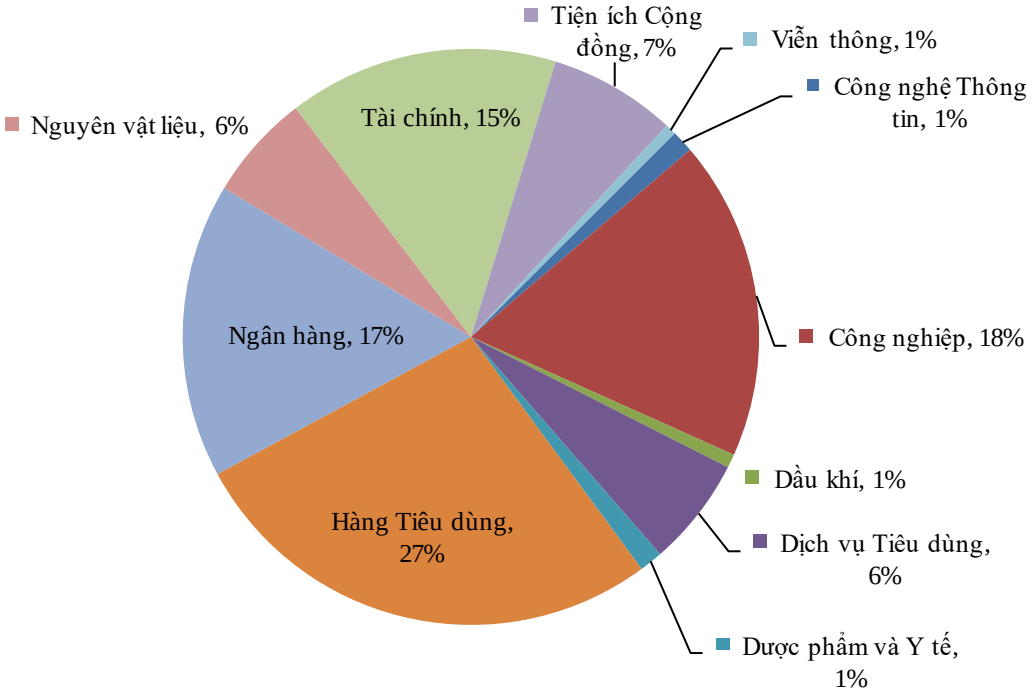

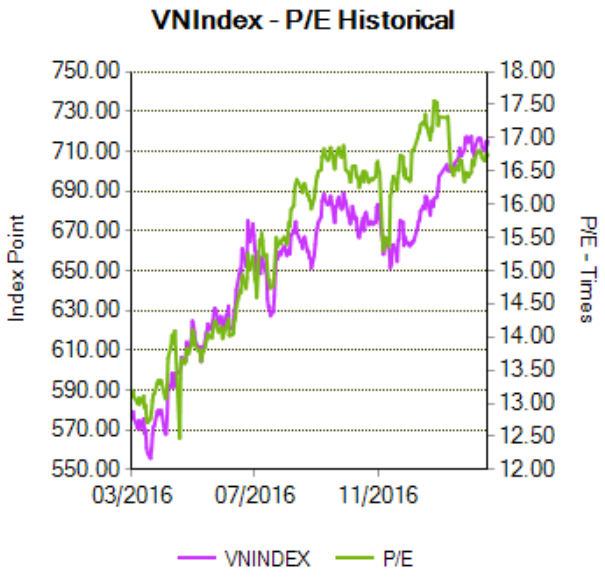


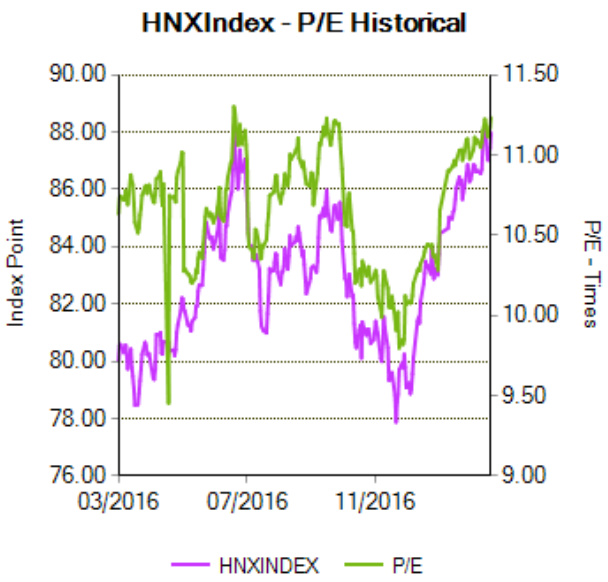


---

**MIỄN TRÁCH:** Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: https://www.bmsc.com.vn – Email: info@bmsc.com.vn